

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2018

V/v: “Ly hôn, con chung giữa
chị T và anh H”

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng

Bà Trần Thị Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 07 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt chị Nguyễn Thị T có lý do, anh Đỗ Văn H không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Đỗ Văn H trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 10-01-2002 tại UBND thị trấn V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống với nhau tại nH mẹ đẻ anh H ở tổ dân phố số 1, thị trấn V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2010 anh H thường xuyên đi uống rượu say dẫn đến bị say rượu bệnh lý, không làm chủ bản thân, làm cho sức khỏe bị giảm sút rất nhiều, đã nhiều lần gia đình phải đưa anh đi bệnh viện để điều trị. Do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn nên tháng 6 năm 2015 chị T vào tHnh phố Hồ Chí Minh làm ăn. Vợ chồng sống ly

thân từ đó cho đến nay được hơn 2 năm. Nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có tương lai, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng nên chị T vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến làm việc và nhận các văn bản tố tụng nhưng anh H sức khỏe yếu nên không đến làm việc được, buộc cán bộ Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến tận gia đình anh H để giao nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó Tòa án gửi các văn bản tố tụng tiếp theo như thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật để anh H biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của anh. Hết thời hạn ghi trong thông báo nhưng anh H không có văn bản ghi ý kiến của mình để giao nộp cho Tòa án, anh cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa lần 1. Vì vậy anh H đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng chị có hai con chung: Con lớn Đỗ Quốc D, sinh ngày 29/9/2002 đã học xong lớp 10 trường THPT C Hải Hậu, con nhỏ Đỗ S, sinh ngày 26/4/2010 đã học xong lớp 2 trường tiểu học thị trấn V, hai con đang sống cùng với anh H tại nhà mẹ đẻ anh H ở tổ dân phố số 1, thị trấn V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, chị T không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh H bị ốm đau bệnh tật không đi lao động được vẫn phải sống phụ thuộc vào mẹ đẻ và gia đình. Chị T để anh H tự đi lại thăm nom và có trách nhiệm với các con. Anh Đỗ Văn H không có ý kiến gì trình bày về con chung.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị T trình bày hiện nay vợ chồng chị không có tài sản gì chung, vợ chồng không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng. Khi giải quyết ly hôn chị T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đến quan hệ chia tài sản và công nợ của vợ chồng. Anh Đỗ Văn H không có ý kiến gì trình bày về quan hệ tài sản chung và công nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T xin được vắng mặt, anh Đỗ Văn H vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, chị

Nguyễn Thị T xin được vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 10-01-2002 tại UBND thị trấn V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn H là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, anh H thường xuyên uống rượu say, không làm chủ được bản thân lại bị ốm đau bệnh tật không lao động được, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay được hơn 2 năm.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn H là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn H có hai con chung cháu Đỗ Quốc D, sinh ngày 29/9/2002, cháu Đỗ S, sinh ngày 26/4/2010, hiện nay hai cháu đang sống cùng với anh H. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị nhưng theo nguyện vọng của cháu D lại xin được ở với anh H. Anh Đỗ Văn H không có ý kiến gì trình bày về con chung. Xét yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì thấy hiện nay chị T đang đi làm ăn xa, chưa có chỗ ở ổn định nên không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, cháu D có nguyện vọng xin được ở với anh H, bản thân cháu D đã gần đến tuổi trưởng thành, đã có sự hiểu biết và nhận thức nhất định, cháu đã có khả năng tự phục vụ cho bản thân, hơn nữa anh H lại đang ốm đau, bệnh tật nên cần có người giúp đỡ việc nhà, cháu D đang ăn học ổn định và quen với môi trường sống nên để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung khi ly hôn cần giao cháu Hùng cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu D cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do mỗi người nuôi một con và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị T, vợ chồng chị không có tài sản gì chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng. Anh Đỗ Văn H không có ý kiến gì trình bày về quan hệ tài sản chung và công nợ. Khi ly hôn chị T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên khi giải quyết ly hôn về quan hệ chia tài sản và công nợ của chị T và anh H, Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Đỗ S, sinh ngày 26/4/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.2 Giao con chung Đỗ Quốc D, sinh ngày 29/9/2002 cho anh Đỗ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.3 Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002436 ngày 22-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND thị trấn V: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

